



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CÔNG TY CỔ PHẦN 382 ĐÔNG ANH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(đã được soát xét)



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 28
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 28

101  
CÔ  
CỔ  
2 Đ  
/NH

100  
C  
TRÁCH  
HẠN  
/C

## Công ty Cổ phần 382 Đông Anh

Địa chỉ: Tổ 35 - Thị trấn Đông Anh - Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần 382 Đông Anh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần 382 Đông Anh được thành lập theo Quyết định số 1207/QĐ - BXD ngày 09 tháng 09 năm 2003 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Nhà máy Viglacera Đông Anh - Công ty Gốm Xây dựng Từ Sơn thuộc Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng (nay là Tổng Công ty Viglacera - CTCP) thành Công ty Cổ phần Viglacera Đông Anh. Theo Quyết định số 84/QĐ-HDQT ngày 11 tháng 03 năm 2021 của Tổng Công ty Viglacera - CTCP thì Công ty đã đổi tên thành Công ty Cổ phần 382 Đông Anh. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101412313 ngày 01 tháng 10 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 7 ngày 28 tháng 04 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại Tổ 35, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quý Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Huy Thuật	Ủy viên
Ông Trần Hải Thuật	Ủy viên
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Ủy viên
Bà Ngô Thị Thu Thủy	Ủy viên

Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là ông Trần Hải Thuật.

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Ngọc Bích	Trưởng ban
Ông Phạm Trung Đức	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên

**Công ty Cổ phần 382 Đông Anh**

Địa chỉ: Tổ 35 - Thị trấn Đông Anh - Thành phố Hà Nội

độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Cam kết khác**

Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

  
Giám đốc  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
382 ĐÔNG ANH  
THị trấn Đông Anh - Hà Nội

Trần Hải Thuật  
Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2024

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc  
Công ty Cổ phần 382 Đông Anh**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần 382 Đông Anh được lập ngày 22 tháng 07 năm 2024, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Giám đốc**

Giám đốc Công ty Cổ phần 382 Đông Anh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

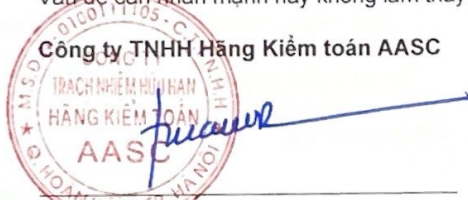
**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 382 Đông Anh tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 30/06/2024, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đang phản ánh tổng số nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 9,04 tỷ VND; lỗ lũy kế đến 30/06/2024 là 29,86 tỷ VND, tương ứng 297,12% vốn góp của chủ sở hữu. Ngoài ra, tổng số nợ quá hạn chưa thanh toán của Công ty tại thời điểm 30/06/2024 là 2,24 tỷ VND. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.



**Phạm Anh Tuấn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0777-2023-002-1


Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2024


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>10.663.505.930</b>	<b>9.887.914.716</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>204.825.267</b>	<b>1.224.314.774</b>
111	1. Tiền		204.825.267	1.224.314.774
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>448.260.414</b>	<b>296.903.633</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	5.496.966.509	5.282.439.224
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	110.000.000	155.858.269
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	655.298.548	672.610.783
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.814.004.643)	(5.814.004.643)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>9.980.420.249</b>	<b>8.366.696.309</b>
141	1. Hàng tồn kho		10.442.248.023	8.980.339.333
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(461.827.774)	(613.643.024)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>30.000.000</b>	<b>-</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		30.000.000	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.584.330.637</b>	<b>4.193.357.871</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>3.584.330.637</b>	<b>4.193.357.871</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	3.584.330.637	4.193.357.871
222	- Nguyên giá		61.943.142.178	61.943.142.178
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(58.358.811.541)	(57.749.784.307)
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>14.247.836.567</b>	<b>14.081.272.587</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024**  
**(Tiếp theo)**

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>19.702.103.819</b>	<b>17.894.494.492</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>19.702.103.819</b>	<b>17.894.494.492</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	7.114.738.555	4.255.060.367
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	128.254.528	407.423.630
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.074.089.597	714.184.808
314	4. Phải trả người lao động		1.099.945.523	1.536.650.623
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	85.754.177	62.067.146
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		207.168.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	14	3.001.470.123	2.861.483.651
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	6.984.003.316	8.050.944.267
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.680.000	6.680.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>(5.454.267.252)</b>	<b>(3.813.221.905)</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	16	<b>(5.454.267.252)</b>	<b>(3.813.221.905)</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		10.049.740.000	10.049.740.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		10.049.740.000	10.049.740.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.004.974.000	1.004.974.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		13.350.850.419	13.350.850.419
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(29.859.831.671)	(28.218.786.324)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(28.218.786.324)	(26.190.085.037)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(1.641.045.347)	(2.028.701.287)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>14.247.836.567</b>	<b>14.081.272.587</b>

  
 Nguyễn Tiến Khôi  
 Người lập

  
 Nguyễn Tiến Khôi  
 Kế toán trưởng



  
 Trần Hải Thuật  
 Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2024



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	15.293.546.489	16.861.738.386
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.293.546.489	16.861.738.386
11	3. Giá vốn hàng bán	19	14.131.301.019	16.528.960.017
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.162.245.470	332.778.369
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20	651.475	686.554
22	6. Chi phí tài chính	21	295.454.715	408.692.030
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		295.454.715	408.692.030
25	7. Chi phí bán hàng	22	463.183.920	585.886.049
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	2.112.474.211	2.632.845.449
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.708.215.901)	(3.293.958.605)
31	10. Thu nhập khác	24	138.623.842	1.607.981.777
32	11. Chi phí khác	25	71.453.288	522.057
40	12. Lợi nhuận khác		67.170.554	1.607.459.720
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.641.045.347)	(1.686.498.885)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(1.641.045.347)	(1.686.498.885)
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	(1.633)	(1.678)

Nguyễn Tiến Khôi  
 Người lập


Nguyễn Tiến Khôi  
 Kế toán trưởng


Trần Hải Thuật  
 Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2024



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>(1.641.045.347)</b>	<b>(1.686.498.885)</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		609.027.234	698.943.459
03	- Các khoản dự phòng		(151.815.250)	494.607.091
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(651.475)	(686.554)
06	- Chi phí lãi vay		295.454.715	408.692.030
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(889.030.123)</b>	<b>(84.942.859)</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(151.356.781)	972.106.755
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.461.908.690)	1.129.046.833
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		2.850.863.247	(769.756.692)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(30.000.000)	(48.734.937)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(95.017.575)	(128.155.870)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>223.550.078</b>	<b>1.069.563.230</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		651.475	686.554
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>651.475</b>	<b>686.554</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	4.113.887.200
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.243.691.060)	(5.956.673.069)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(1.243.691.060)</b>	<b>(1.842.785.869)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(1.019.489.507)</b>	<b>(772.536.085)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>1.224.314.774</b>	<b>1.328.758.268</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	3	<b>204.825.267</b>	<b>556.222.183</b>

  
 Nguyễn Tiên Khôi  
 Người lập

  
 Nguyễn Tiên Khôi  
 Kế toán trưởng



  
 Trần Hải Thuật  
 Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần 382 Đông Anh được thành lập theo Quyết định số 1207/QĐ - BXD ngày 09 tháng 09 năm 2003 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Nhà máy Viglacera Đông Anh - Công ty Gốm Xây dựng Từ Sơn thuộc Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng (nay là Tổng Công ty Viglacera - CTCP) thành Công ty Cổ phần Viglacera Đông Anh. Theo Quyết định số 84/QĐ-HĐQT ngày 11 tháng 03 năm 2021 của Tổng Công ty Viglacera - CTCP thì Công ty đã đổi tên thành Công ty Cổ phần 382 Đông Anh. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101412313 ngày 01 tháng 10 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 7 ngày 28 tháng 04 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tổ 35, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 10.049.740.000 đồng (Mười tỷ, không trăm bốn mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi ngàn đồng), tương đương 1.004.974 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 122 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 131 người).

**Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất công nghiệp.

**Ngành nghề kinh doanh:** Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng đất sét nung và các loại vật liệu xây dựng khác.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

6 tháng đầu năm 2024 tiếp tục là một giai đoạn khó khăn đối với thị trường gạch nung do Nhà nước có những chính sách thúc đẩy phát triển gạch không nung cũng như hạn chế sử dụng gạch nung trong các công trình xây dựng. Cùng với đó, dưới áp lực của thị trường, áp lực từ những đối thủ cạnh tranh, ảnh hưởng của giá đất tăng mạnh làm cho doanh thu của Công ty sụt giảm đáng kể so với 6 tháng đầu năm 2023. Tuy nhiên, do nắm bắt được xu hướng thị trường, Công ty đã tiến hành sản xuất và tiêu thụ dòng sản phẩm gạch bát đạt hiệu quả cao (dòng sản phẩm này có giá bán cao hơn nhiều so với giá thành sản xuất do nguồn cầu lớn nhưng nguồn cung đang hạn chế). Đây cũng là dòng sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2024, điều này làm lãi gộp của Công ty tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước.

Tại thời điểm 30/06/2024, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đang phản ánh tổng số nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 9,04 tỷ VND; lỗ lũy kế đến 30/06/2024 là 29,86 tỷ VND, tương ứng 297,12% vốn góp của chủ sở hữu. Ngoài ra, tổng số nợ quá hạn chưa thanh toán của Công ty tại thời điểm 30/06/2024 là 2,24 tỷ VND. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục vì các lý do sau đây:

- Về nguồn vốn kinh doanh: Công ty có nguồn tiền thu được từ việc bán hàng ổn định và huy động vốn vay cá nhân có thể đảm bảo nguồn lực tài chính để duy trì hoạt động của Công ty;
- Về tình hình kinh doanh: Trong 6 tháng đầu năm 2024, Công ty đã chuyển dịch cơ cấu sản phẩm từ tập trung các sản phẩm truyền thống như gạch xây hai lỗ, ngói lợp 22 có giá thành cao mà giá bán lại thấp, sang tập trung vào các sản phẩm như gạch bát, ngói hài cổ là các sản phẩm giá thành thấp hơn nhằm đạt lợi nhuận cao hơn.

Từ các căn cứ trên, Công ty cho rằng tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty trong thời gian tới sẽ có chuyển biến tích cực, Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh

cho 5 năm tới, theo đó Công ty sẽ đảm bảo đủ vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh, đủ vốn đầu tư để hoàn thành kế hoạch đầu tư dự kiến.

#### **Khả năng so sánh của thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Các thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Công ty trình bày nhất quán và có thể so sánh giữa các kỳ kế toán.

## **2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và được Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

### **2.4 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### **2.5 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị khác	08 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm

## 2.8 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.9 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong

các kỳ kế toán sau.

## 2.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.11 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

## 2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

## 2.13 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.14 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào thu nhập khác theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

## 2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.



31  
CƠ  
4M  
:GI  
A  
JK

## 2.16 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

### *Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## 2.18 Chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là Chi phí đi vay vốn, được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

### *Chi phí thuế TNDN hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

### *Thuế suất thuế TNDN hiện hành*

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

## 2.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

## 2.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát

- Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
  - Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.22 Thông tin bộ phận

Doanh thu trong năm của Công ty là doanh thu bán sản phẩm gạch, ngói do Công ty sản xuất, được tiêu thụ tại khu vực miền Bắc. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 3 TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	19.870.000	7.609.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	184.955.267	1.216.705.774
	<b><u>204.825.267</u></b>	<b><u>1.224.314.774</u></b>

## 4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Hải Hà	982.413.599	(982.413.599)	982.413.599	(982.413.599)
Ông Phạm Văn Hòa	2.267.117.553	(2.267.117.553)	2.267.117.553	(2.267.117.553)
Các khách hàng khác	2.247.435.357	(1.850.380.708)	2.032.908.072	(1.850.380.708)
	<b><u>5.496.966.509</u></b>	<b><u>(5.099.911.860)</u></b>	<b><u>5.282.439.224</u></b>	<b><u>(5.099.911.860)</u></b>

## 5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư	110.000.000	(110.000.000)	110.000.000	(110.000.000)
Kiến trúc Thăng Long	-	-	45.858.269	-
Đối tượng khác	-	-	-	-
	<b><u>110.000.000</u></b>	<b><u>(110.000.000)</u></b>	<b><u>155.858.269</u></b>	<b><u>(110.000.000)</u></b>



**6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Thiết bị Nam Hải	100.000.000	(100.000.000)	100.000.000	(100.000.000)
Ông Phạm Văn Hòa	411.130.078	(411.130.078)	411.130.078	(411.130.078)
Các khoản phải thu khác	144.168.470	(92.962.705)	161.480.705	(92.962.705)
	<b>655.298.548</b>	<b>(604.092.783)</b>	<b>672.610.783</b>	<b>(604.092.783)</b>

**7 NỢ XẤU**

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>5.099.911.860</b>	-	<b>5.099.911.860</b>	-
Công ty CP Hải Hà	982.413.599	-	982.413.599	-
Ông Phạm Văn Hòa	2.267.117.553	-	2.267.117.553	-
Các đối tượng khác	1.850.380.708	-	1.850.380.708	-
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>110.000.000</b>	-	<b>110.000.000</b>	-
Công ty CP Đầu tư Kiến trúc Thăng Long	110.000.000	-	110.000.000	-
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>604.092.783</b>	-	<b>604.092.783</b>	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Thiết bị Nam Hải	100.000.000	-	100.000.000	-
Ông Phạm Văn Hòa	411.130.078	-	411.130.078	-
Các đối tượng khác	92.962.705	-	92.962.705	-
	<b>5.814.004.643</b>	-	<b>5.814.004.643</b>	-

**8 HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.354.710.658	-	1.118.591.365	-
Công cụ, dụng cụ	1.292.828.356	-	1.160.543.145	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.022.347.639	-	882.222.690	-
Thành phẩm	6.772.361.370	(461.827.774)	5.818.982.133	(613.643.024)
	<b>10.442.248.023</b>	<b>(461.827.774)</b>	<b>8.980.339.333</b>	<b>(613.643.024)</b>

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Công ty Cổ phần 382 Đông Anh  
Tổ 35 - Thị trấn Đông Anh - Thành phố Hà Nội

**9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	21.957.430.431	38.512.659.605	1.473.052.142	61.943.142.178
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>21.957.430.431</b>	<b>38.512.659.605</b>	<b>1.473.052.142</b>	<b>61.943.142.178</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	19.245.080.367	37.031.651.798	1.473.052.142	57.749.784.307
- Khấu hao trong kỳ	331.737.210	277.290.024	-	609.027.234
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>19.576.817.577</b>	<b>37.308.941.822</b>	<b>1.473.052.142</b>	<b>58.358.811.541</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu kỳ	2.712.350.064	1.481.007.807	-	4.193.357.871
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>2.380.612.854</b>	<b>1.203.717.783</b>	-	<b>3.584.330.637</b>

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 0 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 1.437.217.684 VND);

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 43.704.573.384 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 43.704.573.384 VND);

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 230.189.000 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 230.189.000 VND).



116/ 06.05.2024

**10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Hoàn Cường	4.810.000.000	4.810.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Minh Thành	737.569.250	737.569.250	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	1.567.169.305	1.567.169.305	255.060.367	255.060.367
	<b>7.114.738.555</b>	<b>7.114.738.555</b>	<b>4.255.060.367</b>	<b>4.255.060.367</b>

**11 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty CP Sản xuất và Thương mại Tân Hoàng Kim	-	300.000.000
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Hà Tuấn	100.000.000	100.000.000
Các đối tượng khác	28.254.528	7.423.630
	<b>128.254.528</b>	<b>407.423.630</b>

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	398.529.381	313.547.314	376.394.376	-	335.682.319
Thuế thu nhập cá nhân	-	15.655.427	71.023.674	-	-	86.679.101
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	300.000.000	651.695.604	300.000.000	-	651.695.604
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	68.530.832	68.498.259	-	32.573
	-	<b>714.184.808</b>	<b>1.107.797.424</b>	<b>747.892.635</b>	-	<b>1.074.089.597</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	85.754.177	62.067.146
	<b>85.754.177</b>	<b>62.067.146</b>

**14 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	81.654.679	41.919.313
Bảo hiểm xã hội	170.400.155	-
Bảo hiểm y tế	30.070.616	-
Bảo hiểm thất nghiệp	13.364.718	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	720.000	720.000
Cổ tức lợi nhuận phải trả	752.097.650	752.097.650
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.953.162.305	2.066.746.688
- Phải trả Tổng Công ty Viglacera - CTCP	1.200.000.000	1.200.000.000
- Phải trả tạm ứng cho CBNV	191.918.000	107.948.367
- Phải trả đoàn phí công đoàn	260.593.040	207.555.040
- Phải trả trợ cấp thôi việc	290.373.284	521.677.300
- Phải trả, phải nộp khác	10.277.981	29.565.981
	<b>3.001.470.123</b>	<b>2.861.483.651</b>
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
Phải trả Tổng Công ty Viglacera - CTCP	1.200.000.000	1.200.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	752.097.650	752.097.650
Phải trả trợ cấp thôi việc	290.373.284	521.677.300
	<b>2.242.470.934</b>	<b>2.473.774.950</b>
<b>Trong đó: Bên liên quan</b>		
Phải trả Tổng Công ty Viglacera - CTCP	1.200.000.000	1.200.000.000
	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>

15 VAY NGẮN HẠN

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)	8.050.944.267	8.050.944.267	176.750.109	1.243.691.060	6.984.003.316	6.984.003.316
	<b>8.050.944.267</b>	<b>8.050.944.267</b>	<b>176.750.109</b>	<b>1.243.691.060</b>	<b>6.984.003.316</b>	<b>6.984.003.316</b>

(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	30/06/2024		01/01/2024	
						VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	VND	Thả nổi	164 ngày	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thế chấp bằng tài sản	-	760.789.100		
Vay ngắn hạn cá nhân	VND	8,52%	12 tháng	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tin chấp	6.534.003.316	6.840.155.167		
Vay ngắn hạn cá nhân	VND	0,00%	12 tháng	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tin chấp	450.000.000	450.000.000		
						<b>6.984.003.316</b>	<b>8.050.944.267</b>		

Các khoản vay đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2024		01/01/2024	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
Ông Trần Hải Thuật	Giám đốc/ Ủy viên HĐQT	150.000.000	426.000	150.000.000	497.000
Ông Nguyễn Tiến Khởi	Kế toán trưởng	600.000.000	390.500	600.000.000	461.500
		<b>750.000.000</b>	<b>816.500</b>	<b>750.000.000</b>	<b>958.500</b>

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

**16 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	10.049.740.000	1.004.974.000	13.350.850.419	(26.190.085.037)	(1.784.520.618)
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	(1.686.498.885)	(1.686.498.885)
Số dư cuối kỳ trước	<u>10.049.740.000</u>	<u>1.004.974.000</u>	<u>13.350.850.419</u>	<u>(27.876.583.922)</u>	<u>(3.471.019.503)</u>
Số dư đầu kỳ này	10.049.740.000	1.004.974.000	13.350.850.419	(28.218.786.324)	(3.813.221.905)
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(1.641.045.347)	(1.641.045.347)
Số dư cuối kỳ này	<u>10.049.740.000</u>	<u>1.004.974.000</u>	<u>13.350.850.419</u>	<u>(29.859.831.671)</u>	<u>(5.454.267.252)</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2024	Tỷ lệ	01/01/2024	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	5.125.500.000	51,00	5.125.500.000	51,00
Công ty Cổ phần CSC Việt nam	994.000.000	9,89	994.000.000	9,89
Công ty TNHH Đầu tư NDH	1.183.000.000	11,77	1.183.000.000	11,77
Các cổ đông khác	2.747.240.000	27,34	2.747.240.000	27,34
	<b>10.049.740.000</b>	<b>100</b>	<b>10.049.740.000</b>	<b>100</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	10.049.740.000	10.049.740.000
- Vốn góp cuối kỳ	10.049.740.000	10.049.740.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận:</b>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	752.097.650	752.097.650
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	752.097.650	752.097.650

d) Cổ phiếu

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.004.974	1.004.974
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.004.974	1.004.974
- Cổ phiếu phổ thông	1.004.974	1.004.974
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.004.974	1.004.974
- Cổ phiếu phổ thông	1.004.974	1.004.974

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	13.350.850.419	13.350.850.419
	<b>13.350.850.419</b>	<b>13.350.850.419</b>

17 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty ký Hợp đồng thuê đất số 46-245/ĐC-NĐ-HĐĐĐ ngày 04/07/2001 với thời gian thuê 10 năm kể từ ngày 01/01/1996 tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà làm việc, nhà xưởng sản xuất. Diện tích khu đất thuê là 122.230 m<sup>2</sup>. Theo Hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa ký hợp đồng thuê đất mới do khu đất đang nằm trong diện quy hoạch của Nhà nước theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/07/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050. Công ty đang nộp tiền thuê đất hàng năm căn cứ theo thông báo của Chi cục thuế huyện Đông Anh, diện tích đất thuê trên thông báo hiện tại là 73.630 m<sup>2</sup>.



**18 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
Doanh thu bán các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung	15.293.546.489	16.861.738.386
	<b><u>15.293.546.489</u></b>	<b><u>16.861.738.386</u></b>

**19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
Giá vốn bán các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung	14.283.116.269	16.406.859.109
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(151.815.250)	122.100.908
	<b><u>14.131.301.019</u></b>	<b><u>16.528.960.017</u></b>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	25.000.000	25.000.000

**20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	651.475	686.554
	<b><u>651.475</u></b>	<b><u>686.554</u></b>

**21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
Lãi tiền vay	295.454.715	408.692.030
	<b><u>295.454.715</u></b>	<b><u>408.692.030</u></b>
Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	12.922.000	-

**22 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân công	444.101.063	534.554.823
Chi phí khác bằng tiền	19.082.857	51.331.226
	<b>463.183.920</b>	<b>585.886.049</b>

**23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	157.220	344.850
Chi phí nhân công	772.909.752	945.918.688
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	3.047.307	1.890.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.449.922	27.449.922
Thuế, phí và lệ phí	654.695.604	677.476.322
Chi phí dự phòng	-	372.506.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	494.473.899	434.414.166
Chi phí khác bằng tiền	159.740.507	172.845.318
	<b>2.112.474.211</b>	<b>2.632.845.449</b>

Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan - 14.220.000  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)

**24 THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tiền cho thuê nhà, điện nước	137.326.524	38.069.763
Thu nhập từ chênh lệch thừa do kiểm kê kho đất	-	1.564.706.559
Thu nhập khác	1.297.318	5.205.455
	<b>138.623.842</b>	<b>1.607.981.777</b>

**25 CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tiền chậm nộp thuế, BHXH	71.448.979	522.057
Các khoản khác	4.309	-
	<b>71.453.288</b>	<b>522.057</b>

**26 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(1.641.045.347)	(1.686.498.885)
Các khoản điều chỉnh tăng	366.252.219	408.527.533
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	294.803.240	408.005.476
- Các khoản chi phí không được trừ khác	71.448.979	522.057
Thu nhập chịu thuế TNDN	(1.274.793.128)	(1.277.971.352)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**27 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(1.641.045.347)	(1.686.498.885)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(1.641.045.347)	(1.686.498.885)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.004.974	1.004.974
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.633)</b>	<b>(1.678)</b>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.752.444.359	6.186.570.288
Chi phí nhân công	6.489.336.443	7.961.797.672
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.019.327.017	849.938.167
Chi phí khấu hao tài sản cố định	609.027.234	698.943.459
Thuế, phí và lệ phí	654.695.604	677.476.322
Chi phí dự phòng	-	372.506.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.483.630.330	993.232.263
Chi phí khác bằng tiền	918.942.678	1.239.870.010
	<b>17.927.403.665</b>	<b>18.980.334.364</b>

**29 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	4.113.887.200

**b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.243.691.060	5.956.673.069

**30 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**31 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Công ty mẹ
Trường Cao đẳng Viglacera	Cùng Công ty mẹ
Ông Trần Hải Thuật	Giám đốc/ Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Tiến Khôi	Kế toán trưởng

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
<b>Chi phí đào tạo</b>	<b>25.000.000</b>	<b>25.000.000</b>
Trường Cao đẳng Viglacera	25.000.000	25.000.000
<b>Chi phí in lịch</b>	<b>-</b>	<b>14.220.000</b>
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	-	14.220.000
<b>Lãi đi vay</b>	<b>12.922.000</b>	<b>-</b>
Ông Trần Hải Thuật	6.461.000	-
Ông Nguyễn Tiến Khôi	6.461.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2024	năm 2023
		VND	VND
Ông Trần Hải Thuật	Giám đốc/ Ủy viên HĐQT	119.610.000	112.669.300
Ông Nguyễn Tiến Khôi	Ủy viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 31/03/2023)	-	35.992.700
Bà Ngô Thu Thủy	Ủy viên HĐQT	65.639.540	33.340.800
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Ủy viên HĐQT	75.858.340	70.148.600
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	46.641.000	48.262.400

Theo Nghị quyết số 09/2024/NQ-ĐHĐCĐ/DAC ngày 16/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Công ty quyết định không trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023, còn thù lao năm 2024 sẽ căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 để trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày đầu kỳ và ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

### 32 SỐ LIỆU SO SÁNH

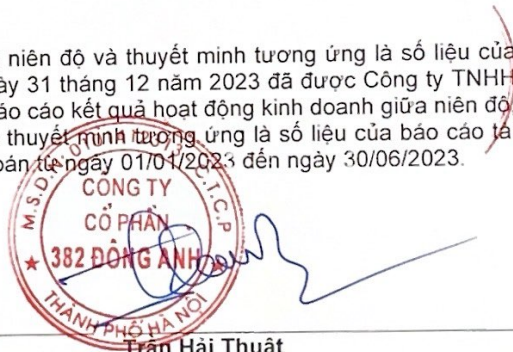
Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.



Nguyễn Tiến Khôi  
Người lập



Nguyễn Tiến Khôi  
Kế toán trưởng



CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
382 ĐÔNG ANH  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Hải Thuật  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2024

## **Công ty Cổ phần 382 Đông Anh**

Ngày 22 tháng 07 năm 2024

### **Kính gửi:**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC  
Phó Tổng Giám đốc: Phạm Anh Tuấn  
Kiểm toán viên: Hoàng Thủy Nga  
Số 1 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Thưa Quý vị,

### **THƯ GIẢI TRÌNH**

Thư giải trình này được cung cấp liên quan đến dịch vụ soát xét của Quý vị đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ của chúng tôi cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 nhằm mục đích đưa ra kết luận về việc liệu có vấn đề gì khiến Quý vị cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ này không phản ánh trung thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 382 Đông Anh tại ngày 30/06/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi xác nhận các giải trình sau đây:

### **TÓNG THỂ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

1. Chúng tôi đã hoàn thành các trách nhiệm của mình, như đã thỏa thuận trong các điều khoản của Hợp đồng kiểm toán và soát xét 140624.003/HĐTC.KT5 ngày 14/06/2024, đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; cụ thể là báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
2. Hệ thống kiểm soát nội bộ được chúng tôi xây dựng và duy trì nhằm đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Chúng tôi đã thông báo cho Quý vị biết về những đánh giá của chúng tôi về rủi ro mà Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.
3. Tất cả các giao dịch đã được chúng tôi ghi chép trong tài liệu, sổ kế toán và đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo đúng chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.
4. Chúng tôi đã sử dụng các giả định hợp lý để đưa ra các ước tính kế toán, kể cả ước tính về giá trị hợp lý.
5. Tất cả các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh và thuyết minh theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng đều đã được chúng tôi điều chỉnh và thuyết minh.
6. Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch hay dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán bằng cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.
7. Chúng tôi đã xem xét tất cả các bút toán đề nghị điều chỉnh của Quý vị và đã ghi nhận các bút toán điều chỉnh này vào Báo cáo tài chính giữa niên độ của chúng tôi.

### **CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN**

8. Các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan đã được chúng tôi giải thích, cung cấp đầy đủ thông tin cho Quý vị và thuyết minh một cách phù hợp theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN 382 ĐÔNG ANH

Thư giải trình cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

9. Các thông tin dưới đây đã được ghi nhận đúng đắn và phù hợp, được thuyết minh đầy đủ trong báo cáo tài chính giữa niên độ:
- Các giao dịch với bên liên quan, bao gồm mua và các khoản phải thu hoặc phải trả các bên liên quan;
  - Các thỏa thuận bảo đảm bằng văn bản hay bằng lời mà theo đó Công ty Cổ phần 382 Đông Anh có nghĩa vụ tiềm tàng;
  - Các thỏa thuận và quyền chọn mua lại các tài sản đã bán trước đây.

### GIÁ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

10. Chúng tôi nhận thấy báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đang phản ánh tổng số nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 9,04 tỷ VND; lỗ lũy kế đến 30/06/2024 là 29,86 tỷ VND, tương ứng 297,12% vốn góp của chủ sở hữu. Ngoài ra, tổng số nợ quá hạn chưa thanh toán của Công ty tại thời điểm 30/06/2024 là 2,24 tỷ VND. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục vì các lý do sau đây:

- Về nguồn vốn kinh doanh: Công ty có nguồn tiền thu được từ việc bán hàng ổn định và huy động vốn vay cá nhân có thể đảm bảo nguồn lực tài chính để duy trì hoạt động của Công ty;
- Về tình hình kinh doanh: Trong 6 tháng đầu năm 2024, Công ty đã chuyển dịch cơ cấu sản phẩm từ tập trung các sản phẩm truyền thống như gạch xây hai lỗ, ngói lợp 22 có giá thành cao mà giá bán lại thấp, sang tập trung vào các sản phẩm như gạch bát, ngói hài cổ là các sản phẩm giá thành thấp hơn nhằm đạt lợi nhuận cao hơn.

Từ các căn cứ trên, chúng tôi cho rằng tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty trong thời gian tới sẽ có chuyển biến tích cực, Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho 5 năm tới, theo đó Công ty sẽ đảm bảo đủ vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh, đủ vốn đầu tư để hoàn thành kế hoạch đầu tư dự kiến.

### TÀI SẢN

11. Công ty chúng tôi có quyền sở hữu hợp pháp đối với tất cả các tài sản, không có tranh chấp liên quan tới các tài sản và không có các tài sản bị cầm cố cũng như thế chấp, ngoài các tài sản thế chấp đã thuyết minh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.
12. Chúng tôi không có kế hoạch dừng sản xuất bất kỳ dòng sản phẩm nào có thể dẫn đến bất kỳ hàng tồn kho dư thừa hoặc quá hạn ngoài các hàng tồn kho quá hạn do không có đơn đặt hàng bán hàng trong tương lai mà chúng tôi đã trích lập dự phòng đầy đủ. Không có bất kỳ hàng tồn kho nào được ghi nhận theo giá trị vượt quá giá trị thuần có thể thực hiện được.
13. Mọi giao dịch bán đều đã được chốt và không có bất cứ một thỏa thuận biệt lập nào với khách hàng, hoặc một điều khoản bán hàng nào, cho phép trả lại hàng đã bán, ngoại trừ trường hợp hàng bị hư hỏng hoặc điều kiện khác thường được áp dụng trong trường hợp bảo hành.
14. Không có các thỏa thuận về việc bồi thường nào có liên quan đến các tài khoản tiền và các khoản đầu tư của chúng tôi. Ngoại trừ những nội dung đã được công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ, chúng tôi hiện không có các thỏa thuận về tín dụng nào khác.
15. Các khoản chi phí trả trước và chi phí phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ được chúng tôi ghi nhận trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu và khả năng chắc chắn phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán.
16. Tại thời điểm 30/06/2024, Chúng tôi có thực hiện gửi Biên bản đối chiếu công nợ phải thu, phải trả tuy nhiên do địa bàn hoạt động rộng, khối lượng công việc lớn nên chưa nhận được đầy đủ các biên bản đối chiếu công nợ, chúng tôi sẽ đôn đốc thu hồi các biên bản đối chiếu này trong thời gian sớm nhất.



### NỢ PHẢI TRẢ, CÁC CAM KẾT VỀ NGHĨA VỤ PHẢI TRẢ

17. Chúng tôi đã ghi nhận hoặc trình bày đúng đắn tất cả các khoản nợ phải trả, bao gồm các khoản nợ thực tế và nợ tiềm tàng.
18. Chúng tôi đã ghi chép và công bố một cách phù hợp tất cả các khoản nợ phải trả đã phát sinh, tất cả các khoản nợ tiềm tàng và các đảm bảo mà chúng tôi thực hiện với các bên thứ ba.
19. Các khoản dự phòng đối với những thiệt hại có thể xảy ra do các vụ kiện, khiếu nại từ bên thứ ba hoặc các hợp đồng khác đã được ghi nhận đầy đủ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ngoại trừ các khoản đã nêu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ, không có bất kỳ một nghĩa vụ nợ nào khác được đảm bảo, cầm cố bằng tài sản của Công ty chúng tôi tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### THUÊ ĐẤT

20. Tại thời điểm 30/06/2024, chúng tôi chưa ký hợp đồng thuê đất mới cho khu đất tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh do đang nằm trong diện quy hoạch của Nhà nước theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/07/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050. Chúng tôi đang nộp tiền thuê đất hàng năm căn cứ theo thông báo của Chi cục thuế huyện Đông Anh. Diện tích đất thuê trên thông báo hiện tại là 73.630 m<sup>2</sup> trong khi trong hợp đồng thuê đất cũ là 122.230 m<sup>2</sup>. Nguyên nhân do được miễn nộp thuế phần diện tích đất mà Công ty không quản lý và không được sử dụng bao gồm: Diện tích đất các hộ dân (tiền thân là CBCNV của Công ty) đang làm nhà ở, Nhà văn hóa khu dân cư số 35, 36, 37; diện tích đất do UBND xã Uy Nỗ quản lý. Chúng tôi đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để ký lại hợp đồng thuê đất. Chúng tôi cam kết sẽ làm việc với các cơ quan có thẩm quyền về vấn đề này và sẽ tuân thủ theo đúng các quy định do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

### CUNG CẤP THÔNG TIN

21. Chúng tôi đã cung cấp cho Quý vị:
  - Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà chúng tôi nhận thấy có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ như sổ, tài liệu, chứng từ kế toán và các vấn đề khác;
  - Các tài liệu, thông tin bổ sung mà kiểm toán viên yêu cầu chúng tôi cung cấp để phục vụ cho mục đích kiểm toán;
  - Quyền tiếp cận không hạn chế với những cá nhân trong đơn vị mà kiểm toán viên xác định là cần thiết nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán.
22. Chúng tôi đã công bố cho Quý vị các kết quả đánh giá của chúng tôi về rủi ro báo cáo tài chính giữa niên độ có thể chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận.
23. Chúng tôi đã công bố cho Quý vị tất cả các thông tin liên quan đến gian lận hoặc nghi ngờ gian lận mà chúng tôi biết và có thể có ảnh hưởng đến đơn vị và liên quan đến:
  - Ban Giám đốc;
  - Những nhân viên có vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ;
  - Các vấn đề khác mà gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính giữa niên độ.
24. Chúng tôi đã công bố cho Quý vị tất cả các thông tin liên quan đến các cáo buộc gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của đơn vị mà chúng tôi được thông báo từ các nhân viên, nhân viên cũ của Công ty, các chuyên gia phân tích, các cơ quan quản lý hoặc những người khác.
25. Chúng tôi đã công bố cho Quý vị tất cả các trường hợp không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ pháp luật và các quy định mà ảnh hưởng của việc không tuân thủ đó cần được xem xét khi lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

23/6  
CÔNG TY  
HÀNG ANH  
382 ĐÔNG ANH  
SHAF



**CÔNG TY CỔ PHẦN 382 ĐÔNG ANH**

**Thư giải trình cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**

---

26. Chúng tôi đã công bố cho Quý vị danh tính của các bên liên quan của đơn vị và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan mà chúng tôi biết.

Trân trọng kính chào,



Trần Hải Thuật  
Giám đốc



Nguyễn Tiến Khôi  
Kế toán trưởng

